

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2010/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2010

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Quyết định số 71/2007/QĐ-BNN ngày 06/8/2007; Quyết định số 98/2007/QĐ-BNN ngày 03/12/2007; Quyết định số 118/2008/QĐ-BNN ngày 11/12/2008 và Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ Quy định nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm ngày 26 tháng 7 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02/6/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Quyết định số 71/2007/QĐ-BNN ngày 06/8/2007; Quyết định số 98/2007/QĐ-BNN ngày 03/12/2007; Quyết định số 118/2008/QĐ-BNN ngày 11/12/2008 và Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 như sau:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định 71/2007/QĐ-BNN ngày 06/8/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y**

**1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:**

“b) Hồ sơ kỹ thuật của từng loại thuốc thử nghiệm, khảo nghiệm và ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ kỹ thuật

- Hồ sơ kỹ thuật của từng loại thuốc thử nghiệm, khảo nghiệm gồm:

- + Bản tóm tắt đặc tính của sản phẩm;
- + Thông tin kỹ thuật về chất lượng của sản phẩm;
- + Thông tin kỹ thuật về độ an toàn và hiệu lực của sản phẩm;
- + Phiếu kiểm nghiệm của cơ sở sản xuất;
- + Phiếu kiểm nghiệm của cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y Nhà nước hoặc của cơ sở kiểm nghiệm thuốc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận.
- Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ kỹ thuật gồm:
  - + Hồ sơ kỹ thuật đối với thuốc sản xuất trong nước phải viết bằng tiếng Việt;
  - + Hồ sơ kỹ thuật đối với thuốc sản xuất ở nước ngoài phải được viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Trường hợp hồ sơ viết bằng tiếng Anh, Bản tóm tắt đặc tính sản phẩm phải viết bằng tiếng Việt.

## **2. Bỏ điểm c và điểm f khoản 1 Điều 6”.**

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 98/2007/QĐ-BNN ngày 03/12/2007 về việc bổ sung, sửa đổi Quyết định số 71/2007/QĐ-BNN ngày 06/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định trình tự, thủ tục thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y như sau:**

“Điều 4. Các trường hợp thuốc thú y phải thử nghiệm, khảo nghiệm và miễn thử nghiệm, khảo nghiệm

### **3. Các trường hợp miễn thử nghiệm, khảo nghiệm**

Thuốc thú y sản xuất hoàn toàn theo sản phẩm gốc (thuốc Generic); thuốc mang tên gốc (đối với thuốc được phẩm, hóa chất); thuốc thú y nhập khẩu (trừ vắc xin) đã được phép lưu hành ở Mỹ, Nhật Bản, Úc, Canada và châu Âu”.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 118/2008/QĐ-BNN ngày 11/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản (sau đây gọi là Quyết định số 118).**

### **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:**

“1. Chủ hàng lập hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:

- a) Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục 1a Quy chế kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản được ban hành kèm theo Quyết định số 118;
- b) Bảng kê chi tiết lô hàng theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các yêu cầu riêng của chủ hàng về chất lượng, an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản (nếu có)”.

## **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 11 như sau:**

“2. Trường hợp hàng hóa thủy sản nhập khẩu, ngoài những nội dung đã được quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy chế kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản được ban hành kèm theo Quyết định số 118, hồ sơ đăng ký kiểm tra cần phải có thêm:

a) Đối với hàng hóa thủy sản nhập khẩu để chế biến:

- Bản sao hợp đồng mua bán;

- Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản (riêng đối với lô hàng thủy sản do các tàu cá nước ngoài thực hiện đánh bắt, chế biến trên biển bán trực tiếp cho Việt Nam có trong danh sách được phép xuất khẩu vào Việt Nam thì không phải cung cấp thành phần hồ sơ này);

- Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ.

b) Đối với hàng hóa thủy sản triệu hồi hoặc bị trả về đã được cấp Giấy chứng nhận chất lượng trước khi xuất khẩu, chủ hàng thực hiện thủ tục miễn kiểm tra theo quy định tại Điều 19 Quy chế kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản được ban hành kèm theo Quyết định số 118 và hồ sơ đăng ký kiểm tra phải có thêm:

- Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản của lô hàng trước khi xuất khẩu;

- Bản sao văn bản triệu hồi hoặc thông báo trả về trong đó nêu rõ nguyên nhân triệu hồi hoặc bị trả về.

c) Đối với hàng hóa thủy sản triệu hồi hoặc bị trả về chưa được cấp Giấy chứng nhận chất lượng trước khi xuất khẩu:

Bản sao văn bản triệu hồi hoặc thông báo trả về trong đó nêu rõ nguyên nhân triệu hồi hoặc bị trả về”.

## **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:**

“1. Kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận cho lô hàng có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu theo thời hạn sau:

a) Không quá 1 (một) ngày làm việc đối với hàng hóa thủy sản xuất khẩu, hoặc đưa ra tiêu thụ nội địa ở dạng tươi, sống;

b) Không quá 07 (bảy) ngày làm việc đối với sản phẩm đồ hộp và các dạng sản phẩm khác;

c) Trường hợp phải gửi mẫu phân tích tại các phòng kiểm nghiệm bên ngoài.

Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản cho chủ hàng trong thời gian không quá 1 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả phân tích”.

**Điều 4. Chế độ giám kiểm tra áp dụng đối với các lô hàng thủy sản xuất khẩu được quy định tại khoản 1 Điều 12 và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 78/2009/TT-BNNPTNT ngày 10/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng thủy sản.**

**Điều 5. Kết hợp thủ tục “Kiểm dịch các lô hàng động vật và sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm” quy định tại Thông tư 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trình tự, thủ tục kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản (sau đây gọi là Thông tư số 06) với thủ tục “Kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản xuất khẩu” quy định tại Quyết định số 118 thành thủ tục “Kiểm dịch và kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản xuất khẩu” như sau:**

“1. Đăng ký kiểm dịch và kiểm tra chất lượng

a) Chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch và kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm đến Cơ quan kiểm tra thuộc Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và thủy sản (sau đây gọi là Cơ quan kiểm tra), hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Bảng kê chi tiết lô hàng theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Giấy đăng ký kiểm dịch và kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;
- Các yêu cầu riêng của chủ hàng về chất lượng, an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản (nếu có);
- Bản sao Giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh nơi xuất phát của thủy sản (nếu có);
- Bản sao phiếu kết quả xét nghiệm bệnh thủy sản (nếu có);
- Bản sao Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền nuôi trồng thủy sản đối với những loài có tên trong Danh mục các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện;

- Bản yêu cầu về các chỉ tiêu kiểm dịch của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc của chủ hàng (nếu có);

- Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu (nếu có).

b) Chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch và kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm đến cơ quan kiểm tra bằng các hình thức: gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện, gửi qua fax (có điện thoại xác nhận), thư điện tử hoặc đăng ký trực tuyến qua Internet, sau đó nộp hồ sơ đăng ký cho Cơ quan kiểm tra khi được kiểm tra thực tế;

c) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan kiểm tra xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm dịch và kiểm tra chất lượng và thông báo cho chủ hàng về chế độ kiểm tra, thời gian và địa điểm thực hiện kiểm dịch và kiểm tra chất lượng.

## 2. Cấp Giấy chứng nhận

a) Kể từ khi kết thúc kiểm dịch và kiểm tra chất lượng tại hiện trường, Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận cho lô hàng có kết quả kiểm dịch và kiểm tra chất lượng đạt yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này, như sau:

- Trong thời hạn không quá 4 (bốn) ngày làm việc đối với hàng hóa thủy sản xuất khẩu ở dạng tươi, sống;

- Trong thời hạn không quá 7 (bảy) ngày làm việc đối với các dạng sản phẩm khác;

b) Trường hợp phải gửi mẫu phân tích, xét nghiệm bệnh tại các phòng kiểm nghiệm, xét nghiệm bên ngoài.

Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản cho chủ hàng trong thời gian không quá 1 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả kiểm tra.

3. Khi có kết quả kiểm dịch và kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm không đạt yêu cầu, Cơ quan kiểm tra xử lý theo quy định tại Điều 16 Quy chế kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản được ban hành kèm theo Quyết định số 118; Thông tư số 06 và gửi Thông báo không đạt theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này cho chủ hàng.

4. Các nội dung khác liên quan đến hoạt động kiểm dịch và kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm các lô hàng động vật và sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm được thực hiện theo quy định tại Quy chế kiểm tra và

chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng hóa thủy sản ban hành kèm theo Quyết định số 118 và Thông tư số 06.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Cao Đức Phát**



**Phụ lục 1****BẢNG KÊ KHAI CHI TIẾT LÔ HÀNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2010/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 8 năm 2010  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CHỦ HÀNG/OWNER OF COMMODITY**

**ĐỊA CHỈ/ADDRESS**

....., ngày..... tháng..... năm....

**BẢNG KÊ KHAI CHI TIẾT LÔ HÀNG/PACKING LIST**

Tên, địa chỉ người xuất hàng/Name and address of consignor:

Tên, địa chỉ người nhận hàng/Name and address of consignee:

Phương tiện vận chuyển/Mean of transport:

Vận đơn/Bill of lading:

Container số/Container No.:

Nơi khởi hành/Place of departure:

Địa điểm đến/Place of destination:

| <b>STT/<br/>No.</b> | <b>Mô tả hàng hóa/<br/>Description of<br/>goods</b> | <b>Đóng gói/<br/>Packing</b> | <b>Số lượng/<br/>Quantity<br/>(Ctns)</b> | <b>Trọng lượng<br/>tịnh/Net<br/>weight<br/>(Kgs)</b> | <b>Trọng lượng<br/>tổng/Gross<br/>weight<br/>(Kgs)</b> |
|---------------------|---|------------------------------|--|--|--|
|                     |   |                              |  |  |  |
|                     |   |                              |  |  |  |
|                     |   |                              |  |  |  |

**ĐẠI DIỆN CHỦ HÀNG**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**DIRECTOR**

(Signature, stamp, full name)

**Phụ lục 2****MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH VÀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2010/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 8 năm 2010  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐĂNG KÝ****KIỂM DỊCH VÀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM  
HÀNG HÓA THỦY SẢN XUẤT KHẨU**

Số:

Kính gửi:.....

| <b>PHÂN KHAI BÁO CỦA CHỦ HÀNG</b>   |  |
|---|--|
| 1. Chủ hàng:<br>Địa chỉ:<br>Điện thoại:                      Fax:   | 2. Người nhận hàng:<br>Địa chỉ:<br>Điện thoại:                      Fax:   |
| 3. Nơi đi:  | 4. Nơi đến:  |
| 5. Tên thương mại:..... Tên khoa học:.....<br>Dạng sản phẩm:.....   |  |
| 6. Mô tả hàng hóa:  | 7. Số lượng:.....cnts .....kg  |
| 8. Cơ sở sản xuất:<br>Mã số cơ sở (nếu có):   | 9. Mã số lô hàng:<br>Thời gian sản xuất:   |
| 10. Thời gian đăng ký kiểm tra:<br>Địa điểm đăng ký kiểm tra:   | 11. Hồ sơ đính kèm gồm:<br>-   |
| Các yêu cầu kiểm tra và chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm của Chủ hàng:<br><input type="checkbox"/> Kiểm tra theo quy định<br><input type="checkbox"/> Kiểm tra theo yêu cầu, kèm theo các yêu cầu cụ thể:<br><input type="checkbox"/> Cảm quan <input type="checkbox"/> Vi sinh <input type="checkbox"/> hóa học<br><input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ)..... | Các yêu cầu kiểm dịch của Chủ hàng:<br><input type="checkbox"/> Kiểm dịch theo quy định<br><input type="checkbox"/> Kiểm dịch theo yêu cầu (nêu tên bệnh cụ thể):<br>.....<br>.....<br>..... |



| <b>PHÂN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA</b>  |  |
|--|--|
| Hồ sơ đăng ký: <input type="checkbox"/> Đạt <input type="checkbox"/> Không đạt <input type="checkbox"/> Bổ sung thêm               |  |
| Lý do không đạt:   |  |
| Các hồ sơ cần bổ sung:   |  |
| Kết quả xem xét sau khi bổ sung:   |  |
| Chế độ kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm áp dụng cho lô hàng:   |  |
| <input type="checkbox"/> Giảm kiểm tra <input type="checkbox"/> Kiểm tra thông thường <input type="checkbox"/> Kiểm tra tăng cường |  |
| Ngày kiểm tra dự kiến:   |  |
| ....., ngày...../...../.....<br><b>Đại diện chủ hàng</b><br>(Ký tên, đóng dấu)   | ....., ngày...../...../.....<br><b>Đại diện cơ quan kiểm tra</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |

**Phụ lục 3****MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH VÀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2010/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



*Tên, địa chỉ Cơ quan Kiểm tra*

Tel:

Fax:

Email:

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KIỂM DỊCH VÀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM  
HÀNG HÓA THỦY SẢN**

Số:

**I. CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM THỦY SẢN**

- Mô tả hàng hóa:
- Tên sản phẩm:
- Loài (tên khoa học):
- Thủy sản nuôi/đánh bắt tự nhiên:
- Quy cách bao gói:
- Số lượng:
- Khối lượng:
- Mã số lô hàng:
- Điều kiện bảo quản, vận chuyển:

**II. XUẤT XỨ SẢN PHẨM**

Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất:

Mã số Cơ sở sản xuất:

**III. NƠI ĐI, NƠI ĐẾN CỦA SẢN PHẨM**

- Người xuất hàng:
- Người nhận hàng:
- Nơi xuất hàng:
- Nơi hàng đến:
- Phương tiện vận chuyển (nếu có):

**IV. CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH VÀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM**

Căn cứ kết quả kiểm tra ngày....(tên cơ quan kiểm tra)..... chứng nhận lô hàng thủy sản, sản phẩm thủy sản nêu trên đã được kiểm tra đạt yêu cầu về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và không có bệnh các bệnh sau:

- Tên bệnh:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Thủ trưởng Cơ quan Kiểm tra**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 4****MẪU THÔNG BÁO KHÔNG ĐẠT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2010/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



*Tên, địa chỉ Cơ quan Kiểm tra*

Tel:

Fax:

Email:

**THÔNG BÁO**

**KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ  
KHÔNG ĐẢM BẢO CÁC YÊU CẦU VỀ VỆ SINH THÚ Y**

Số:

|  |                                   |
|--|-----------------------------------|
| Người xuất hàng:   | Nơi xuất hàng theo đăng ký:       |
| Người nhận hàng theo đăng ký:  | Nơi hàng đến theo đăng ký:        |
| Mô tả hàng hóa:  | Số lượng:...../khối lượng..... kg |
| Cơ sở sản xuất:<br>Mã số cơ sở (nếu có):   | Mã số lô hàng:                    |
| Căn cứ kết quả kiểm tra, phân tích và xét nghiệm số:..... ngày.....<br>.....                             |                                   |
| (Tên Cơ quan kiểm tra, chứng nhận)   |                                   |
| Thông báo lô hàng nêu trên, có giấy đăng ký kiểm tra số:....., ngày.....:                                |                                   |
| <b>KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ<br/>KHÔNG ĐẢM BẢO CÁC YÊU CẦU VỀ VỆ SINH THÚ Y</b> |                                   |
| Lý do:   |                                   |
| Các biện pháp yêu cầu Chủ hàng thực hiện:  | Thời hạn hoàn thành:              |
| ....., ngày.....<br><b>Thủ trưởng Cơ quan Kiểm tra</b><br>(Ký tên, đóng dấu)                             |                                   |